

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 01 - 2024

V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Cao Văn Ngữ
- Bà Nguyễn Thị Thanh.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Ngọc -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/01/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đặng A N, năm sinh 1967

Địa chỉ: Thôn Nậm C, xã Nậm Đ, huyện B, tỉnh Lào Cai -Vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Triệu Thị M, năm sinh 1983

Địa chỉ cuối cùng trước khi biệt tích: Thôn Nậm C, xã Nậm Đ, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đặng A N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng A N và chị Triệu Thị M chung sống với nhau từ năm 1998, đến ngày 08/7/2004 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Nậm Đét, huyện Bắc Hà. Việc chung sống và kết hôn của anh chị là tự nguyện. Sau kết hôn, anh chị chung sống tại thôn N, xã N1, huyện B, cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Đến ngày 28/02/2010 có người cùng làng tìm người đi nấu cơm thuê, chị M muốn đi làm nên anh cũng nhất trí; sau đó anh điện cho chị M nhưng không liên lạc được. Chị M đi từ ngày đó không trở về nữa, anh cũng không biết chị M đi đâu, làm gì anh cũng không rõ, đến nay không có tin tức gì, anh không biết chị M ở đâu, còn sống

hay đã chết. Anh đã đi tìm mọi nơi, anh em bạn bè người thân nhưng không ai biết chị M đi đâu, làm gì, còn sống hay đã chết. Anh đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị M mất tích. Đến ngày 17/7/2023 Tòa án đã ban hành quyết định Tuyên bố chị Triệu Thị Mán mất tích. Nay anh N thực sự không còn tình cảm gì với chị M nữa, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M để đảm bảo cuộc sống riêng của anh.

- Về con chung: Anh Đặng A N và chị Triệu Thị M không có con chung nên anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Anh Đặng A N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn: Sau khi Toà án đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng, nhưng vẫn không tiến hành lấy lời khai của chị M được và không tiến hành hòa giải được về quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị M .

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng theo Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn mất tích không có mặt ở nơi cư trú, nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho anh Đặng A N được ly hôn với chị Triệu Thị M.

+ Về con chung, tài sản chung: Không đề cập giải quyết.

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo qui định của Pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của anh Đặng A N, Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng vụ án dân sự như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy

triệu tập hai lần cho từng giai đoạn tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, để chị M có ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh N và phải có mặt tại trụ sở Tòa án để khai về mối quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh N, nhưng chị M vẫn vắng mặt; đồng thời, sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Đặng A N và chị Triệu Thị M là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn N, xã N1, huyện B, tỉnh Lào Cai. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Đến ngày 28/02/2010 chị M đi làm thuê, sau đó anh N điện cho chị M nhưng không liên lạc được. Anh N đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị M mất tích; ngày 17/7/2023 Tòa án đã ban hành quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự, cụ thể: Tuyên bố chị Triệu Thị M mất tích. Nay tình cảm giữa anh N và chị M không còn, việc anh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận. Quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị M chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về con chung; về quan hệ tài sản: Anh N không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Anh Đặng A N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đặng A N và chị Triệu Thị M. Quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị M chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nghĩa vụ chịu án phí: Anh Đặng A N phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001789 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Anh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn - để niêm yết (3);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bắc Hà (2);
- CCTHADS huyện Bắc Hà;
- UBND xã N;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Ngữ

Nguyễn Thị Thanh

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lục Văn Chăng Giảng Seo Hồng

Nguyễn Thị Thu Hương